

Bản án số: 330/2019/DS-PT

Ngày: 19-4-2019

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

## NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Huyền

*Các Thẩm phán:*

1/ Ông Trịnh Đắc Phú

2/ Bà Lê Thị Mỹ Nhung

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Nguyễn Thanh Hồng – Cán bộ Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh:** Bà Đinh Thị Thảo – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 19 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 50/2019/TLPT-DS ngày 09 tháng 01 năm 2019, về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 774/2018/DS-ST ngày 27 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 603/2019/QĐ-PT ngày 25 tháng 02 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 1539/2019/QĐ-PT ngày 21 tháng 3 năm 2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Ông Lê H, sinh năm 1962. (có mặt)

Địa chỉ: 904 đường AC, Phường D1, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:* Ông Nguyễn Quang T, sinh năm 1983 (có mặt)

Địa chỉ: 210/40 đường HD, phường K, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Giấy ủy quyền số công chứng 002892, quyền số 02TP/CC-SCC/HĐGD ngày 27/02/2017 tại Văn phòng công chứng NH)

2. *Bị đơn*: Ông **Phạm Thế V**, sinh năm 1979 (vắng mặt)

Địa chỉ: 14 đường NB, Phường D1, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Người đại diện hợp pháp của bị đơn*: Ông **Nguyễn Xuân N**, sinh năm 1976. (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: 16 đường T4A, phường T1, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Hợp đồng ủy quyền số 000272 quyền số 01TP/CC-SCC/HĐGD ngày 15/02/2017 tại Văn phòng công chứng MH).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

3.1 **Công ty Trách nhiệm hữu hạn A.**

Địa chỉ: 904 đường AC, Phường D1, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh

*Người đại diện theo pháp luật*: Ông **Lê H**, sinh năm 1962. (có mặt)

Địa chỉ liên hệ: 14 đường NB, Phường D1, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.2 **Công ty Cổ phần HV**

Địa chỉ: 656/30/4B đường QT, Phường U1, quận J, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Người đại diện theo pháp luật*: Ông **Phạm Thế V**. (vắng mặt)

Địa chỉ: 27/26 đường CH, Phường Y1, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên hệ: 14 NB, Phường D1, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.3 Bà **Trần Thị Kim X**, sinh năm 1967 (có mặt).

Địa chỉ: 904 đường AC, Phường D1, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. *Người kháng cáo*: Bị đơn – ông Phạm Thế V.

## NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm thì nội dung vụ án như sau:

*Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và các biên bản làm việc người đại diện hợp pháp của Nguyên đơn trình bày:*

Ông Lê H và ông Phạm Thế V là người cùng quê vào làm ăn tại Thành phố Hồ Chí Minh nên có quan hệ thân thiết với nhau. Do ông V đang cần tiền làm ăn nên ông H có cho ông V vay tiền nhiều lần. Cụ thể:

Ngày 04/6/2012, ông V có ký hợp đồng vay tiền số 008825 tại Văn phòng công chứng B với số tiền vay là 4.000.000.000 đồng (Bốn tỷ đồng), thời hạn vay là 24 tháng, lãi suất thỏa thuận là 1.5%/tháng.

Ngày 18/02/2014, ông V có ký hợp đồng vay tiền số 008824 tại Văn phòng công chứng B với số tiền vay là 3.200.000.000 đồng (Ba tỷ hai trăm triệu đồng), thời hạn vay là 04 tháng, lãi suất thỏa thuận là 1.1%/tháng.

Ngày 25/6/2014, ông Lê H có thông báo cho ông Phạm Thế V về việc các khoản vay đã đến hạn thanh toán nhưng không nhận được ý kiến phản hồi của ông V.

Ngày 08/8/2014, ông V và ông H có lập biên bản về việc hai bên sẽ ra phòng công chứng để gia hạn lại hợp đồng vay đối với hai khoản vay của hợp đồng số 008825 ngày 04/6/2012 và hợp đồng số 008824 ngày 18/02/2014 nhưng ông V không thực hiện.

Ngày 08/8/2016 ông V có ký giấy xác nhận đối với số tiền vốn và lãi của 02 khoản vay trên là 10.432.000.000 (Mười tỷ bốn trăm ba mươi hai triệu đồng) và cam kết trả nợ nhưng ông V không thực hiện.

Do bị đơn ông Phạm Thế V vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ông Lê H khởi kiện yêu cầu buộc ông V phải trả các khoản nợ sau:

- Đối với hợp đồng số 008825 ngày 04/6/2012: vốn là 4.000.000.000 đồng + lãi trong hạn:  $4.000.000.000 \text{ đồng} \times 9\% \times 24 \text{ tháng} = 720.000.000$  + lãi quá hạn tạm tính từ ngày 05/6/2014 đến ngày 31/10/2018 là 52 tháng:  $4.000.000.000 \text{ đồng} \times (150\% \times 9\% \times 52 \text{ tháng}) = 2.340.000.000$  đồng, tổng cộng vốn và lãi là 7.060.000.000 đồng (Bảy tỷ không trăm sáu mươi triệu đồng)

- Đối với hợp đồng số 008824 ngày 18/02/2014: vốn là 3.200.000.000 đồng + lãi trong hạn:  $3.200.000.000 \text{ đồng} \times 9\%/\text{năm} \times 4 \text{ tháng} = 96.000.000$  đồng + lãi quá hạn tạm tính từ ngày 05/6/2014 đến ngày 31/10/2018 là 52 tháng:  $3.200.000.000 \text{ đồng} \times (150\% \times 9\%/\text{năm}) \times 52 \text{ tháng} = 1.872.000.000$  , tổng cộng vốn và lãi là 5.168.000.000 đồng (Năm tỷ một trăm sáu mươi tám triệu đồng).

Tổng cộng hai khoản vay trên là 7.060.000.000 đồng + 5.168.000.000 đồng = 12.228.000.000 đồng (Mười hai tỷ hai trăm hai mươi tám triệu đồng), yêu cầu ông V thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn – ông Phạm Thế V do ông Nguyễn Xuân N đại diện vắng mặt không có lý do, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nên không có ý kiến trình bày.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Công ty A do ông Lê H là người đại diện theo pháp luật trình bày: Số tiền ông Phạm Thế V vay của ông Lê H trong hai hợp đồng vay số 008825 ngày 04/6/2012 và hợp đồng số 008824 ngày 04/6/2012 là tài sản riêng của vợ chồng ông H không phải là của Công ty A. Việc ông H đóng dấu công ty vào các giấy xác nhận nợ là do thói quen sử dụng con dấu của ông H, đây không phải là tài sản của công ty.

- Bà Trần Thị Kim X trình bày: Số tiền ông H cho ông V vay là tài sản chung của vợ chồng bà trong thời kỳ hôn nhân. Do đó, bà cùng ý kiến với ông H yêu cầu Tòa án buộc ông V thanh toán một lần cho vợ chồng bà toàn bộ số tiền vốn gốc và lãi phát sinh.

- Công ty Cổ phần HV do ông Phạm Thế V đại diện theo pháp luật vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nên không có ý kiến trình bày.

Tại Bản án sơ thẩm số 774/2018/DS-ST ngày 27 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh quyết định:

1. Buộc bị đơn ông Phạm Thế V có trách nhiệm thanh toán số tiền gốc là 7.200.000.000 (Bảy tỷ hai trăm triệu) đồng, lãi là 4.028.800.000 đồng (Bốn tỷ không trăm hai mươi tám triệu tám trăm nghìn đồng), tổng cộng là 11.228.800 (Mười một tỷ hai trăm hai mươi tám triệu tám trăm nghìn) đồng cho ông Lê H và bà Trần Thị Kim X).

Thời hạn và phương thức thanh toán: một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành các khoản nêu trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Phạm Thế V phải nộp cho Tòa án là 119.228.800 (Một trăm mười chín triệu hai trăm hai mươi tám nghìn tám trăm) đồng.

Hoàn lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp 59.216.000 (Năm mươi chín triệu hai trăm mười sáu nghìn) đồng cho ông Lê H theo biên lai thu số AA/2016/0011816 ngày 09/12/2016 của Chi cục Thi hành án Quận Y.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án dân sự sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo.

Ngày 25/12/2018, bị đơn – ông Phạm Thế V kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn không rút yêu cầu khởi kiện, bị đơn không rút kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Nguyên đơn trình bày: Giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và các ý kiến đã trình bày tại phiên tòa sơ thẩm. Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt, đại diện hợp pháp của bị đơn trình bày: Bị đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị đơn, sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trình bày quan điểm:

- Về tố tụng: Từ ngày thụ lý đến khi xét xử và tại phiên tòa hôm nay, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự đã thực hiện đầy đủ và đúng trình tự thủ tục tố tụng được quy định trong Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung: Căn cứ các Hợp đồng vay tiền, phiếu chi, giấy xác nhận nợ và các tài liệu, chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở xác định bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền nợ gốc 7.200.000.000 đồng. Các hợp đồng vay tiền này là giao dịch giữa cá nhân nguyên đơn và bị đơn, không liên quan đến Công ty A, Công ty HV. Yêu cầu của nguyên đơn về việc trả nợ gốc, tính lãi phù hợp với quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Bị đơn là ông Phạm Thế V có người đại diện theo uỷ quyền là ông Nguyễn Xuân N có đơn kháng cáo. Ông Nguyễn Xuân N đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng có đơn yêu cầu ngày 18/4/2019 đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Công ty Cổ phần HV đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt. Căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2]. Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn về việc sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy:

[2.1]. Về chủ thể của hợp đồng vay tài sản:

Căn cứ hợp đồng vay tiền số 008825 tại Phòng công chứng B ngày 04/6/2012 và hợp đồng vay tiền số 002284 ngày 18/02/2014 tại Phòng công chứng B thì bên cho vay là nguyên đơn – ông Lê H và bên vay là bị đơn – ông Phạm Thế V. Mặc dù tại phiếu chi ngày 04/6/2012, phiếu chi ngày 18/02/2014 có đóng dấu của Công ty A nhưng nội dung phiếu chi thể hiện lý do chi là theo hợp đồng số 002284 và hợp đồng 008825. Người đại diện hợp pháp của Công ty A xác nhận số tiền này là giao dịch của riêng ông Lê H – giám đốc Công ty A, không liên quan đến Công ty A. Các báo cáo quyết toán của Công ty A cũng không thể hiện khoản tiền này nên việc Tòa cấp sơ thẩm xác định các hợp đồng vay tiền số 008825 ngày 04/6/2012, số 002284 ngày 18/02/2014 không liên quan đến Công ty A là đúng.

Tại Giấy xác nhận ngày 08/8/2016, bị đơn xác nhận nợ nguyên đơn số nợ gốc và lãi theo Hợp đồng công chứng 008825 ngày 04/6/2012 và Hợp đồng công chứng số 002284 ngày 18/02/2014. Nội dung giấy xác nhận này thể hiện bên vay tiền là ông Phạm Thế V, không phải Công ty Cổ phần HV. Bị đơn cũng ký tên bên dưới mục “Bên vay xin xác nhận và cam kết trả tiền” tại Giấy xác nhận về việc thông báo xác nhận khoản nợ lãi (không đề ngày bút lục 175). Như

vậy, Công ty Cổ phần HV không liên quan đến các hợp đồng vay tiền số 008825 ngày 04/6/2012, số 002284 ngày 18/02/2014. Hợp đồng vay tài sản này là giao dịch cá nhân giữa nguyên đơn và bị đơn.

[2.2]. Về số nợ gốc và lãi:

- Về nợ gốc: Căn cứ phiếu chi ngày 04/6/2012, phiếu chi ngày 18/02/2014, giấy xác nhận ngày 08/8/2016, Giấy xác nhận về việc thông báo xác nhận khoản nợ lãi (không đề ngày), có đủ cơ sở xác định bị đơn còn nợ nguyên đơn số nợ gốc là 7.200.000.000 đồng.

- Về tiền lãi:

Nguyên đơn yêu cầu tính lãi vay trong hạn của Hợp đồng công chứng 008825 ngày 04/6/2012, số tiền vay là 4.000.000.000 đồng tính từ ngày 05/6/2014 đến ngày 31/10/2018 là 1.080.000.000 đồng, lãi quá hạn của số tiền 4.000.000.000 đồng tính từ ngày 05/6/2014 đến ngày 31/10/2018 là 1.560.000.000 đồng; lãi vay trong hạn của Hợp đồng vay tiền số 008824 ngày 18/02/2014 với số tiền vay là 3.200.000.000 đồng tính từ ngày 19/6/2014 đến ngày 31/10/2018 là 140.800.000 đồng, lãi quá hạn của số tiền 3.200.000.000 đồng tính từ ngày 19/6/2014 đến ngày 31/10/2018 là 1.248.000.000 đồng. Tổng tiền lãi của hai hợp đồng vay tài sản là 4.028.800.000 đồng.

Tại Hợp đồng công chứng số 002284 ngày 18/02/2014 và Hợp đồng công chứng 008825 ngày 04/6/2012, nguyên đơn và bị đơn có thỏa thuận về lãi suất. Căn cứ Quyết định số 2868/QĐ-NHNN của Ngân hàng Nhà nước ngày 01/12/2010 thì mức lãi suất cơ bản là 9%/năm. Căn cứ khoản 5 Điều 474, khoản 1 Điều 476 Bộ luật Dân sự 2005, yêu cầu tính lãi của nguyên đơn phù hợp quy định pháp luật nên toà sơ thẩm xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ.

Tổng cộng gốc và lãi bị đơn phải trả cho nguyên đơn là:

$7.200.000.000 \text{ đồng} + 4.028.800.000 = 11.228.800.000 \text{ đồng}.$

[2.3]. Về trách nhiệm thanh toán: xét số tiền cho vay được xác định là tiền chung của vợ chồng ông H và bà X cho cá nhân ông V vay, không liên quan đến Công ty A và Công ty HV nên buộc ông V trả số tiền trên cho ông H và bà X.

[2.4] Về thời hạn và phương thức thanh toán:

Xét việc ông H, bà X yêu cầu bị đơn thanh toán ngay một lần số nợ gốc và lãi thấy: Bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận tại hợp đồng vay tài sản. Căn cứ Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005, nguyên đơn yêu bị đơn thanh toán ngay một lần số tiền trên là phù hợp nên được chấp nhận.

Từ những nhận định trên đề nghị của đại diện viện kiểm sát là có cơ sở, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn – ông Phạm Thế V, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Toà án nhân dân Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

[3]. Về án phí.

[3.1] Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí đối với phần nghĩa vụ phải thi hành cho nguyên đơn.

[3.2]. Án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn phải chịu án phí phúc thẩm.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 474, Điều 476 Bộ luật Dân sự năm 2005;

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn – ông Phạm Thế V. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 774/2018/DSST ngày 27 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Phạm Thế V phải chịu án phí phúc thẩm là 300.000 đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí ông V đã nộp theo Biên lai thu số 0037730 ngày 25/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- Tòa án nhân dân tối cao;
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tối cao;
- VKSND TP.HCM;
- TAND Quận Y;
- THADS Quận Y;
- Các đương sự;
- Lưu (T/20)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Huyền**